

Tìm hiểu về sự thay đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới

TÔ DUY HỢP

Trung tâm của quá trình đổi mới đang diễn ra ở nước ta ngày nay là sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường. Bài viết này chỉ đề cập một phương diện của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, đó chính là sự thay đổi của cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở khu vực nông thôn, xem xét thực trạng của sự thay đổi này cũng như sự tác động của nó tới sự phân tầng mức sống và tới các định hướng giá trị. Thực chất của sự đổi mới cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp sẽ được vạch ra qua sự so sánh hai loại mẫu hình kiểu cũ và kiểu mới của quá trình quá độ ở nông thôn:

Bảng 1: So sánh các mô hình phát triển

Chỉ báo	Mẫu hình quá độ kiểu cũ 1954-1974 ở miền Bắc 1975 - 1985 trên phạm vi cả nước	Mẫu hình quá độ kiểu mới 1986 - đến nay
1- Đường lối cải tạo nông nghiệp và nông thôn	Đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu cũ	Đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hoá định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu mới
2- Chế độ sở hữu	Quốc hữu hóa và tập thể hóa cao độ các tư liệu sản xuất Chỉ có sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể	Chấp nhận -phi quốc doanh hóa và phi tập thể hóa các - tư liệu sản xuất Tự do hóa quyền sử dụng ruộng đất, trao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho các hộ gia đình. Thực hiện kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

3- Chế độ quản lý	Cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ, bao cấp phi thị trường	Phi tập trung hóa theo cơ chế thị trường, chấp nhận tăng cường tự quản của địa phương và cộng đồng.
4- Đặc điểm của tổ chức	Quản lý toàn bộ quá trình sản xuất, trao đổi phân phối, tiêu dùng. Bao cấp và tính công điểm của xã viên.	Chuyển đổi hợp tác xã kiểu cũ sang dịch vụ sản xuất - kinh doanh hàng hóa. Hình thành hợp tác xã góp cổ phần.
5- Vai trò của kinh tế gia đình	Chấp nhận kinh tế phụ gia đình trên mảnh đất 5%. chuyên môn hóa của hộ gia đình tuân theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp	Kinh tế hộ gia đình được công nhận là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn. . Hộ gia đình toàn quyền sử dụng phần đất được giao khoán và tự chủ trong sản xuất - kinh doanh hàng hóa.
6- Đặc điểm phân công lao động xã hội	Lao động chuyên môn hóa phụ thuộc hoàn toàn vào chuyên môn hóa của hợp tác xã và của các tổ, đội sản xuất. Cơ cấu thu nhập bao gồm hai nguồn chính đó là công điểm và kinh tế phụ gia đình. Kiên quyết thủ tiêu kinh tế tư nhân và cải tạo kinh tế cá thể thành kinh tế tập thể	Tự do lựa chọn nghề nghiệp và việc làm tùy theo chiến lược phát triển kinh tế hộ gia đình. Cơ cấu thu nhập chủ yếu do đóng góp sức lao động và đầu tư vốn. Khuyến khích cá thể, chấp nhận tư nhân hóa sức lao động và các nguồn tài nguyên khác.

Qua bảng so sánh các mô hình quá độ nêu trên ta thấy rõ mẫu hình phát triển kinh tế xã hội thời kỳ trước đổi mới bị các khuyết tật cấu trúc như tập thể hóa và quốc hữu hóa quá mức cần thiết, cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp tràn lan, định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu cũ, phi thị trường dẫn tới triệt tiêu tính tích cực, năng động cá nhân, nghĩa là triệt tiêu nguồn động lực căn bản nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội. Thời kỳ đổi mới hiện nay đang ra sức khắc phục, vượt bỏ những khuyết tật cấu trúc đó bằng nhiều giải pháp trong đó có các giải pháp căn bản như chuyển sang kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chấp nhận tư nhân hóa; mở cửa, mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế với nước ngoài.

Trong thực tế, như chúng ta đang chứng kiến, có sự đan xen phức tạp giữa các mẫu hình quá độ kiểu cũ và kiểu mới. ở nông thôn, mức độ và quy mô chuyển đổi còn rất nhiều hạn chế. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn" có đoạn nói rõ:

"Mặc dầu có bước phát triển song nhìn chung nông nghiệp nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nhiều mặt yếu kém, công nghệ lạc hậu, năng suất lao động, năng suất cây trồng và vật nuôi còn thấp. Nông nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu cải thiện đời sống của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa cho xuất khẩu, thị trường và nguồn tích lũy để đẩy mạnh công nghiệp hóa... cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa thoát khỏi độc canh và thuần nông - Chăn nuôi chưa phát triển mạnh. Lâm nghiệp nặng về khai thác, bóc lột tài nguyên, để lại nhiều hậu quả nặng nề, trồng rừng và bảo vệ rừng chưa trở thành ngành kinh doanh làm giàu cho người lao động. Thủy sản chủ yếu tập trung đánh bắt ven bờ, chưa vươn được ra khơi để làm chủ lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế. Công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ nông thôn chưa phát triển. Các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương nghiệp, dịch vụ..., chuyên hướng chậm, chưa phục vụ tốt kinh tế nông nghiệp, nông thôn và đời sống nông dân, nhất là các vùng xa, vùng sâu, vùng cao"¹.

Xét riêng cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn ta thấy vẫn còn tình trạng áp đảo của mẫu hình phân công lao động xã hội truyền thống, đó là sản xuất - kinh doanh nhỏ, chủ yếu tự cung tự cấp, trồng trọt áp đảo chăn nuôi, các ngành nghề lâm, ngư nghiệp không phát triển, trong trồng trọt trồng cây lúa vẫn là chính, tỷ trọng cây màu, rau, hoa, quả nhỏ bé. Theo thống kê quốc gia năm 1992, dân số nông thôn chiếm 78,25% tổng dân số quốc gia, dân số nông nghiệp chiếm 88,85% dân số nông thôn (69,5% tổng dân số quốc gia). Lao động nông nghiệp chiếm 72,2% tổng số lao động quốc gia, với tuyệt đại bộ phận là lao động thủ công, trình độ học vấn trung bình chỉ đạt phổ thông cơ sở. Do năng suất nông nghiệp thấp, cho nên nông nghiệp chỉ đóng góp 34,6 tổng sản phẩm xã hội, 42,5% thu nhập quốc dân sản xuất; giá trị xuất khẩu chỉ đạt 32,3% giá trị sản lượng trồng trọt chiếm 73,9% chăn nuôi chỉ có 26,1% trong trồng trọt, giá trị sản lượng cây lúa chiếm 89,2% các cây khác cộng lại chỉ có 10,8%².

Đáng lo ngại là tỉ trọng dân số nông nghiệp không giảm mà lại tăng lên trong mấy năm đổi mới vừa qua: 68,6% (1990), 68,9% (1991), 69,2% (1992), 69,5% (1993). Tỷ trọng lao động nông nghiệp cũng có xu thế tăng liên tiếp 70,3% (1990), 73,9% (1991), 72,2% (1992).

Số hộ gia đình nông nghiệp cũng tăng liên tục: 9.375.000 (1990), 9.652.000 (1991), 10.016.900 (1992). Trong khi đó, đóng góp của nông nghiệp nói chung là bấp bênh, chưa tạo ra được sự nhảy vọt so với 1985 là năm trước cao trào đổi mới³.

Bảng 2. So sánh đóng góp của nông nghiệp ở các thời điểm khác nhau

Tỉ trọng đóng góp của N. nghiệp	1985	1990	1991	1992
- Vào tổng sản phẩm xã hội	37,2	38,3	41,4	34,6
- Vào thu nhập quốc dân S.X	47,3	46,6	49,4	42,5
- Vào giá trị xuất khẩu	35,4	32,6	30,4	32,3

1 . Xem báo *Nhân dân số* ra ngày 1-7-1993

2 . Xem *Niên giám thống kê* NXB Thống kê Hà Nội, 1993

3 . Xem thêm: *Số liệu thống kê nông lâm, ngư nghiệp Việt Nam, 1985 - 1993*, NXB Thống kê Hà Nội, 1994

Do tỷ lệ tăng dân số hàng năm vẫn còn cao 2,2%, ở nông thôn còn cao hơn: khoảng 2,5%, sản xuất lương thực tăng chậm cho nên bình quân lương thực theo đầu người vẫn chỉ ở mức khiêm tốn: 324,4kg (1990), 324,9kg (1991) 349,4kg (1992), 346,2kg (1993).

Sự phân tích cơ cấu, sẽ cho ta thấy rõ hơn tính phức tạp của sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp.

Trước hết là tình trạng đổi mới không đều giữa các vùng, miền và các nhóm xã hội khác nhau. Phía Nam, nhất là ở Nam bộ chuyển đổi nhanh, mạnh hơn phía Bắc. Vùng ven đô thị và dọc quốc lộ đổi mới trông thấy rõ rệt hơn so với các vùng nông thôn sâu, xa, hẻo lánh. Các cộng đồng làng, xã có mức độ và quy mô đổi mới rất khác nhau. Như đã biết, theo cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp, có thể phân tách ra ba loại làng xã :

- 1- Làng xã thuần nông (thường gọi là làng nông nghiệp)
- 2- Làng xã phi nông nghiệp hoàn toàn (thường được gọi là làng nghề)
- 3- Làng xã kết hợp nông nghiệp với phi nông nghiệp hoặc ngược lại (đó là loại làng xã sản xuất - kinh doanh tổng hợp, có thể là "bán nông bán công", hoặc là "bán nông bán thương" hoặc là "nông, công, thương, tín" v.v...), trong loại thứ ba này có thể có các dạng như 3.1, nông nghiệp vẫn là chính hoặc 3.2 - nông nghiệp là chính.

Ba loại làng xã này vốn đã có từ lâu trong lịch sử kinh tế nước ta. Thời kỳ trước đổi mới, sự phân công lao động xã hội ở nông thôn chủ yếu theo cơ cấu hợp tác xã chuyên môn hoá hoặc theo nông nghiệp (HTX nông nghiệp) hoặc phi nông nghiệp (HTX tiểu thủ công nghiệp, HTX mua bán, HTX tín dụng). Cơ động nghề nghiệp và việc làm trong hợp tác xã và giữa các hợp tác xã hết sức bị hạn chế, không có tự do di chuyển nghề nghiệp và hợp tác xã. Do đó, loại thứ ba (làng xã kết hợp nông nghiệp với phi nông nghiệp) trên thực tế dường như bị thủ tiêu, vì không chỉ hợp tác xã mà cả người lao động chỉ được phép chuyên môn hoá theo một ngành nghề hoặc là làm nông nghiệp hoặc là làm tiểu thủ công nghiệp hoặc là làm thương nghiệp v.v... Trong thời kỳ đổi mới hiện nay dường như đang có sự khôi phục, phát huy năng lực vốn có của một số làng xã như là làng nghề hoặc sản xuất - kinh doanh tổng hợp tạo ra cơ động nghề nghiệp ở nông thôn, cho phép giảm lao động thuần nông nghiệp, làng lao động phi nông nghiệp và nhất là tăng mạnh lao động đa năng, kết hợp nông nghiệp với nhiều loại- việc làm phi nông nghiệp khác nhau, chủ trương của nghị quyết 10 của Bộ chính trị (4-1988) thực sự đã đi vào đời sống thực tế của nông dân và nông thôn: Đa dạng hóa việc làm, nghề nghiệp, ai giỏi nghề gì làm nghề ấy.

Số liệu khảo sát, điều tra xã hội học ở Đồng bằng sông Hồng cho thấy rõ năng động nghề nghiệp ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới. Định hướng mở rộng hệ thống nông nghiệp của các hộ gia đình nông dân theo công thức $R_k + VAC$ (Ruộng khoán kết hợp với kinh tế môi trường Vườn - Ao - Chuồng) đang trở thành mô hình sản xuất - kinh doanh hàng hóa phổ biến ở nông thôn. Tại một xã như xã Hải Vân (Hải Hậu, Hà Nam Ninh) năm 1990 chuyển đổi mạnh sang Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh tổng hợp nông + công + thương + tín, với 206 hộ gia đình đại diện trong điều tra xã hội học chỉ có 19 hộ (9,16%) là thuần nông nghiệp, trong đó đã có 17 hộ (8,29%) hoạt động nghề nghiệp theo công thức $R_k + VAC$, còn lại 186 hộ (90,69 %) đã chuyển sang công thức $R_k + VAC + \text{việc làm phi nông nghiệp}$, trong đó, có tới 50 hộ (24,3%) thêm 2 việc làm phi nông nghiệp và 14 hộ (6,82%) thêm 3 việc làm phi nông nghiệp. Trong 205 hộ có việc làm ngoài trồng trọt và nhất là ngoài nông nghiệp, có đến 89,75% số hộ có lao động làm việc trong 5 nghề truyền thống: cura xẻ gỗ (28,76%), mộc (18,04%), nề (9,26%), chạy chợ (16,58%), buôn bán nhỏ (16,08%). Số hộ còn lại (10,25%) có lao động làm thêm các việc như: chế biến nông sản (hàng xáo, bánh cuốn, làm bún, nấu rượu, xay xát gạo); vật liệu xây dựng và vận tải; đan, dệt may mặc (dệt thảm,

dệt cói, thợ may, dệt len); dịch vụ sản xuất và sinh hoạt (sửa xe đạp, xe máy, vẽ, làm tượng thờ, y tế tại nhà, thú y); tham gia bộ máy quản lý (nhân viên điện máy của xã, đội trưởng sản xuất); việc làm khác (kéo vó, đãi vàng).

So sánh 7 xã đại diện dưới đây cho thấy rõ tương quan giữa hiện tại và quá khứ trong phân công lao động xã hội. Xã *Tam Sơn* (Tiên Sơn, Hà Bắc) năm 1992 có 1865 hộ gia đình thuần nông (chiếm 91,6%), còn lại là 169 hộ kinh tế hỗn hợp (chiếm 8,3%) xã này có thể đại diện cho loại làng, xã thuần nông. Xã *Xuân Sơn* (Đông Triều, Quảng Ninh) năm 1992 có 1226 hộ thuần nông (chiếm 85,6%), 25 hộ phi nông nghiệp hoàn toàn (1,75%) và 181 hộ kinh tế hỗn hợp (12,6%). Đây là xã đại diện cho loại làng xã sản xuất - kinh doanh tổng hợp, song nông nghiệp vẫn còn giữ vai trò chính, xã *Đông Dương* (Đông Hưng, Thái Bình) trong tháng 12/1992 kết quả điều tra xã hội học theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên với 301 hộ gia đình, cho thấy 48,2% là hộ thuần nông, còn lại 51,8% đã chuyển sang kinh tế hỗn hợp. Chứng tỏ tại Đông Dương, tỷ trọng nhóm hộ thuần nông có xu hướng giảm mạnh để đa dạng hóa việc làm, nghề nghiệp thích ứng cơ chế thị trường. Xã *Phùng Xá* (Mỹ Đức, Hà Tây) năm 1993 có 475 hộ thuần nông (chiếm 33,5%), không có hộ phi nông nghiệp hoàn toàn, còn lại 943 hộ kinh tế hỗn hợp (66,5%). Xu hướng chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở Phùng Xá giống Đông Dương đang diễn ra mạnh mẽ hơn ở Dương Dương, xã *Văn Môn* (Yên Phong, Hà Bắc) năm 1992 có 328 hộ thuần nông (20,6%) 54 hộ phi nông nghiệp hoàn toàn (3,4%). Số hộ kinh tế hỗn hợp là 1208 (76%), trong đó gần một nửa số hộ chủ yếu sản xuất - kinh doanh tổng hợp, Văn Môn là xã đại diện cho loại làng xã kinh tế hỗn hợp, song phi nông nghiệp đang có xu thế áp đảo, Xã *Ninh Hiệp* (Gia Lâm, Hà Nội) năm 1993 chỉ có 97 hộ thuần nông (4,23%), số hộ chuyên tiểu thủ công nghiệp là 171 (7,5%), chuyên buôn bán, dịch vụ là 32 (1,4%), còn lại đại bộ phận 1994 hộ (87%) kinh tế hỗn hợp, trong đó phi nông nghiệp là chủ yếu; như vậy, Ninh Hiệp thuộc loại làng xã sản xuất - kinh doanh tổng hợp, song phi nông nghiệp là chính. Xã *Bát Tràng* (Gia Lâm, Hà Nội) năm 1991 đã không còn hộ thuần nông, hộ kinh tế hỗn hợp chỉ chiếm 8%, 92% còn lại là hộ chuyên sản xuất - kinh doanh đồ gốm, sứ. Đây là xã đại diện cho mô hình phi nông nghiệp hoàn toàn.

Đáng lưu ý là các xã đại diện kể trên không đặc trưng riêng cho thời kỳ đổi mới. Trong truyền thống vốn đã là thế và trong thời kỳ trước đổi mới thực chất cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn vẫn thế. Công cuộc đổi mới giải phóng những tiềm năng vốn có của các cộng đồng làng xã *Bát Tràng*, *Ninh Hiệp*, *Văn Môn* đang chuyển mạnh theo hướng phi nông nghiệp hoá cao độ (chuyên sang phi nông nghiệp hoàn toàn hoặc kinh tế hỗn hợp dựa vào phi nông nghiệp là chính) sở dĩ như thế là vì đã có truyền thống làng nghề lâu đời hoặc truyền thống kết hợp nông - công - thương - tín từ lâu. Trong khi đó *Xuân Sơn* và *Tam Sơn* do không có truyền thống sản xuất kinh doanh tổng hợp hoặc làng nghề, nên hiện nay tuy rất cố gắng song vẫn chưa thoát khỏi tình trạng thuần nông, độc canh cây lúa. *Đông Dương* và *Phùng Xá* tuy có truyền thống làng nghề như dệt vải, chạy chợ v.v... song do truyền thống này kém phát triển, lại tuân theo mô hình quá độ kiểu cũ quá nghiêm túc, nên trong thời kỳ đổi mới hiện nay "trở tay không kịp", các tiềm năng gần như bị cạn kiệt, phải xây dựng lại dần dần...

Tác dụng của đổi mới cho thấy rõ nhất ở sự đa dạng hóa việc làm, nghề nghiệp ở nông thôn. Phi nông nghiệp hóa vừa là biểu hiện, vừa là nguồn gốc của đa dạng hóa cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp. ở đây trông thấy rõ nhất là xu thế kinh tế hỗn hợp. Kết quả điều tra trên diện rộng cả nước năm 1990 của tổng cục thống kê với 6457 hộ gia đình đại diện ở 17 xã, thuộc 7 huyện, 5 tỉnh: Hoàng Liên Sơn, Hà Nam Ninh, Bình Định, Đắc Lắc, Hậu Giang cho thấy rõ hai điều: một là, mức độ phi nông nghiệp hóa ở nông thôn nói chung còn rất thấp và hai là, chủ yếu theo định hướng kinh tế hỗn hợp.

Bảng 3: So sánh mức độ đa dạng hóa nghề nghiệp ở nông thôn¹

	Tổng số	Hoàng Liên Sơn	Hà Nam Ninh	Bình Định	Đắc Lắc	Hậu Giang
- Tổng số hộ điều tra	100	100	100	100	100	100
- Tỷ lệ hộ thuần nông	70,38	87,03	64,36	51,27	81,09	73,61
- Tỷ lệ hộ TTCN	1,91	105	0,69	0,68	0,40	5,94
- Tỷ lệ hộ buôn bán dịch vụ	0,69	2,79	0,23	0,33	0,19	1,08
- Tỷ lệ hộ kinh tế Hỗn hợp	27,02	10,13	34,72	47,72	18,3	19,37

Bảng 3 cho thấy rõ tỉ lệ hộ thuần nông ở nông thôn vẫn còn rất lớn, tỷ lệ hộ phi nông nghiệp hoàn toàn chưa đáng kể so với hộ kinh tế hỗn hợp.

Nếu so sánh các năm đổi mới thì kết quả điều tra xã hội học cũng cho thấy mức độ đa dạng hóa nghề nghiệp nói chung, phi nông nghiệp hóa nói riêng diễn ra rất chậm chạp ở nông thôn. Cuộc điều tra 800 hộ gia đình ở các xã Vĩnh Bình, Tân Phú, Vĩnh Nhuận (Châu Thành, An Giang), Tân Xuân (Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh), Bình Thạnh (Tuy Phong, Bình Thuận), Hòn Thang (Bắc Bình, Bình Thuận), Đức Chính (Đông Triều, Quảng Ninh), Tu Lý (Đà Lạt, Hòa Bình) của chương trình hợp tác Việt Nam - Cộng hòa Liên bang Đức năm 1994 cho thấy rõ điều đó.

Bảng 4: Tỷ lệ hộ phi nông nghiệp qua các năm đổi mới²

	1992	1993	1994
- Hộ nông nghiệp (%)	90,19	90,06	89,81
- Hộ phi nông nghiệp (%)	9,81	9,94	10,12

Ngay cả tỉnh An Giang được coi là địa phương có tốc độ thay đổi cơ cấu nhanh, mạnh, thì mức độ đa dạng hóa nghề nghiệp dịch chuyển vẫn còn rất chậm chạp.

Bảng 5: Tỷ lệ hộ phi nông nghiệp ở An Giang qua các năm đổi mới³

	1989	1990	1991	1992
- Hộ nông nghiệp (%)	54,1	54,0	53,5	51,8
- Hộ công nghiệp (%)	8,1	7,8	8,0	9,4
- Hộ dịch vụ (%)	37,8	38,2	38,5	38,8

1. Ban Nông nghiệp Trung ương *Kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay*. NXB Tư tưởng - Văn hóa, HN, 1991 t1 tr. 55.

2,3 Xem *Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra tiềm năng phát triển kinh tế nông thôn Việt Nam* của chương trình hợp tác Việt Nam - Cộng hòa liên bang Đức do T.S Nguyễn Tiến Thoa chủ biên, 10-1994.

Tóm lại, cho dù có sự đổi mới không đều giữa các nhóm xã hội và các vùng, miền, song nhìn chung cho tới nay sau hơn 5 năm đổi mới, cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp dịch chuyển chậm chạp, về chất lượng chưa có thay đổi đáng kể, chỉ có đáng mừng là định hướng đúng đắn: Mong muốn chuyển đổi nhanh, mạnh sang kinh tế thị trường hiện đại hóa - Nhóm xã hội vượt trội trong kinh tế thị trường đang hình thành dần ở nông thôn, nhất là ở ven đô thị và dọc quốc lộ. Đó sẽ là hạt nhân của cơ cấu xã hội mới định hướng mạnh theo các quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước theo kiểu mới

Có nhiều nguyên nhân tạo ra sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Dưới đây là những nguyên nhân chính. Trước hết phải thấy rõ các nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp đã thực sự giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, tạo tiền đề căn bản cho quá trình đa dạng hóa và chuyên môn hóa nghề nghiệp theo định hướng kinh tế thị trường.

Thực ra xu thế chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động nghề nghiệp theo định hướng kinh tế thị trường đã có trong truyền thống kinh tế của nước ta. Đáng tiếc thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư nhân trước đổi mới đã cố tình xóa bỏ truyền thống này do bị chỉ đạo bởi một đường lối sai lầm coi kinh tế thị trường đồng nhất với kinh tế tư bản chủ nghĩa. Xã hội Việt Nam trong lịch sử vốn là một xã hội trọng nông với nguyên tắc cứng nhắc: "Dĩ nông vi bản" (nghề nông đương nhiên là gốc). Song trong trường kỳ lịch sử đã hình thành hai loại hằng tính, hằng tính chủ yếu là căn tính nông nghiệp tự cung tự cấp và hằng tính thứ yếu là định hướng phi nông nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa. Điều này thể hiện khá rõ ở sự phân tầng xã hội trong cơ cấu nghề nghiệp: Sĩ - Nông - Công Thương - Theo truyền thống, công nghiệp, đặc biệt là thương nghiệp ở dưới đáy của bậc thang giá trị văn hóa. Song trật tự này chỉ là căn bản chứ không duy nhất: không nhất thành bất biến. Trong dân gian ta vẫn thường nghe: "Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rong, nhất nông nhì sĩ". Nhà Bác học Lê Quý Đôn ở thế kỷ 18 đã để lại những ghi nhận quan trọng về vai trò của công, thương đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Phi nông bất ổn,
Phi công bất phú
Phi thương bất hoạt
Phi trí bất hưng.

Năng động công, thương chính là năng động thị trường và đó là con đường dẫn tới sự giàu có. Trong truyền thống ý thức hệ trọng nông, năng động thị trường bị kìm chế, không được phổ biến rộng rãi, do đó chỉ có một số làng nghề hoặc hộ chuyên công, thương trở thành giàu có. Chính tiềm năng phát triển kinh tế thị trường này đã được phục sinh trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Trong 7 xã đại diện ở nông thôn đồng bằng sông Hồng ta thấy rõ Bát Tràng và Ninh Hiệp đều là những cộng đồng vốn có năng động thị trường từ lâu đời. Đó là những làng xã định hướng mạnh sang phi nông nghiệp hóa và tư nhân hóa - Bát Tràng chuyên nghề gốm sứ, còn Ninh Hiệp thì sản xuất - kinh doanh tổng hợp. Nhưng trong xã Ninh Hiệp có nhiều làng, xóm chuyên một nghề phi nông nghiệp, như Ninh Giàng, Hiệp Phù chuyên chế biến rượu thuốc bắc; Phù Thụy chuyên làm hàng da (phố Hàng Da ở Hà Nội do người dân Phù Thụy và các làng khác của Ninh Hiệp sáng lập); các Ngõ Nòn, Gạo, Da, Bò, Láng chuyên nghề dệt và buôn bán vải. Giống như Ninh Hiệp, ở xã Văn Môn, cũng có thôn chuyên môn nghề phi nông nghiệp, như Mẫn Xá chuyên đúc nồi xoong nhôm. Ở Đông Dương và Tam Sơn trong truyền thống có nghề dệt và buôn bán vải, song thời chiến tranh và nhất là phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã làm triệt tiêu tiềm năng phi nông

ng nghiệp của các địa phương này. Xuân Sơn không hề có truyền thống phi nông nghiệp hóa.

Một nhân tố khác rất quan trọng trong việc phát huy đa dạng hóa nghề nghiệp và năng động thị trường ở nông thôn đó là tác động của chính sách mở cửa hòa nhập thị trường thế giới. Dù bị kìm chế trong lịch sử và thậm chí bị cấm kỵ trong thời kỳ thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, thị trường trong thực tế vẫn cứ len lỏi dưới các hình thức "Kinh tế ngầm" hay "chợ đen", lắm khi cũng khá dữ dội - Ngày nay, trong đời mới, tuy nói chung thị trường hãy còn hoang dại, song do chính sách mở cửa, ngay cả ở nông thôn đã bắt đầu du nhập những yếu tố hiện đại hóa. Nhờ đầu tư của nước ngoài sẽ đẩy nhanh được các quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa ở nông thôn, sẽ tạo ra bước chuyển đổi căn bản trong cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp.

Tóm lại, có ý nghĩa quyết định đối với sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn theo hướng đa dạng hóa nghề nghiệp thích ứng thị trường hiện đại hóa đó là sự nhất trí cao giữa Đảng và nhân dân lao động trong đường lối đổi mới. Đương nhiên sự thành công bước đầu của đường lối đổi mới căn bản là do nhận thức và hành động đồng tâm hiệp lực theo quy luật khách quan chứ không phải do duy ý chí. Định hướng thị trường hiện đại hóa là tất yếu khách quan, phổ biến rộng khắp thế giới. Nó quy định mọi quá trình biến đổi kinh tế - xã hội.

Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học không chỉ làm sáng tỏ thực trạng và nguyên nhân đổi mới cơ cấu xã hội lao động nghề nghiệp mà còn cho thấy rõ tác động của sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp lên các hiện tượng và quá trình xã hội khác, nhất là lên sự phân tầng mức sống. Tương quan phổ biến: thuần nông thì nghèo khổ, trái lại, phi nông nghiệp hóa thì giàu sang càng ngày càng bộc lộ rõ ở nông thôn trong quá trình đổi mới. 7 xã đại diện ở đồng bằng sông Hồng có thể được sắp xếp theo trật tự tăng dần thuần nông (hay một cách tương ứng, giảm dần phi nông nghiệp hóa) thể hiện sự phân tầng giàu - nghèo ở nông thôn.

<u>Xã</u>	<u>Thu nhập bình quân đầu người 1 năm</u>
1- Ninh Hiệp, Bát Tràng	5 triệu đồng
2- Văn Môn	2,5 -
3- Phùng Xá	1 -
4- Đông Dương, Tam Sơn	0,8 -
5- Xuân Sơn	0,6 -

Mức sống ở làng xã giàu có khác nhiều so với mức sống ở làng xã nghèo khổ. So sánh xã Ninh Hiệp (năng động nhất đồng bằng Bắc Bộ trong sản xuất - kinh doanh tổng hợp) với xã Xuân Sơn (chưa vượt khỏi truyền thống thuần nông tự cung tự cấp) cho thấy rõ điều đó. Xã Ninh Hiệp đang đô thị hóa và hiện đại hóa tương đối nhanh, trong khi đó xã Xuân Sơn vẫn trong cảnh nông nghiệp lạc hậu, nghèo khổ. Tuy ở cả 2 xã đều có chợ trong xã, song chợ Ninh Hiệp không những chỉ mua bán với các nơi trong nước mà còn cả với nước ngoài, nhất là chợ mua - bán vải may mặc do Trung Quốc sản xuất - chợ Xuân Sơn chỉ giới hạn trong xã và vài ba xã lân cận. Nhiều mặt hàng do Ninh Hiệp làm ra có giá trị xuất khẩu như hàng da, mứt sen, rượu thuốc bắc v.v...

Xuân Sơn hoàn toàn không có năng lực xuất khẩu hàng hóa. Điện ở Ninh Hiệp có công suất gấp 5 - 6 lần so với ở Xuân Sơn, ở Xuân Sơn điện chủ yếu tiêu dùng thấp sáng

Bảng 6: So sánh 2 xã giàu - nghèo căn bản do năng động nghề nghiệp quyết định

(% trên tổng số hộ)

Các chỉ báo mức sống	Xã Ninh Hiệp	Xã Xuân Sơn
- Nhà xây cao tầng	20,0	3,8
- Nhà mái bằng	1,0	0,7
- Nhà mái ngói	79,0	95,1
- Nhà tranh, tre	9,0	0,36
- TV đen trắng	26,16	27,9
- TV màu	43,6	1,75
- Đầu Video	30,5	0,0
- Xe máy	80,65	1,05
- trong đó, xe cúp	80,65	0,42
- Tủ lạnh	14,62	0,14

sinh hoạt, trong khi đó ở Ninh Hiệp điện sử dụng để gia công, sản xuất các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp, trưng bày các cửa hàng mua bán xung quanh chợ xã. Trường phổ thông cấp 1 và cấp 2 được xây dựng ở Ninh Hiệp với kinh phí trên 1 tỷ đồng, ở Xuân Sơn chỉ với kinh phí trăm triệu đồng. Trụ sở ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn là khu nhà mái bằng kinh phí xây dựng vài ba trăm triệu đồng, trong khi đó trụ sở ủy ban nhân dân xã Ninh Hiệp là khu nhà xây cao tầng, với kinh phí một tỉ năm trăm triệu đồng.

Không đẩy mạnh phi nông nghiệp hóa (đi liền với tư nhân hóa) thì không thể đẩy nhanh quá trình làm giàu ở nông thôn. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy rõ lợi thế thị trường hiện nay phần lớn thuộc về nhóm hộ kinh tế hỗn hợp. Tại xã Đông Dương, năm 1989 có kết quả cụ thể như sau

Bảng 7: Lợi thế làm giàu chủ yếu thuộc về nhóm hộ kinh tế hỗn hợp

Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng (đồng)	Hộ thuần nông		Hộ kinh tế hỗn hợp	
	112	%	68	%
1- > 30.000	2	1,0	8	4,0
2- 30.000 - 20.000	6	3,0	24	12,0
3- 20.000 - 15.000	9	4,5	12	6,0
4- 15.000 - 12.000	12	11,0	12	6,0
5- 12.000 - 10.000	15	7,5	9	4,5
6- 10.000 - 7.000	31	15,5	7	3,5
7- 7.000 - 5.000	20	10,0	5	2,5
8 - < 5000	7	3,5	0	0,0

Cũng tại xã Đông Dương, năm 1992, ta thấy rõ hơn xu thế đổi mới: làm giàu nhờ năng động phi nông nghiệp hóa theo cơ chế thị trường.

Bảng 8: Lợi thế làm giàu căn bản là nhờ kinh tế hỗn hợp

Mức sống	Hộ thuần nông		Hộ kinh tế hỗn hợp	
	N	%	N	%
1- Khá giả	4	2,9	15	9,6
2- Đủ ăn	89	63,6	127	81,4
3- Thiếu ăn	45	32,1	14	9,0
4- Nghèo đói	2	1,4	0	0,0
Tổng cộng	140	47,3	156	52,7

Làm giấy bằng "nhất nghệ tinh" đang được nhiều hộ gia đình và làng nghề truyền thống tích cực phát huy. Chẳng hạn ở Văn Môn năm 1992, ta thấy nhóm hộ phi nông nghiệp có lợi thế vượt trội nhanh hơn cả so với 2 nhóm hộ còn lại (thuần nông và kinh tế hỗn hợp).

Bảng 9: Lợi thế làm giàu chủ yếu thuộc về nhóm hộ phi nông nghiệp

Mức sống	Hộ thuần nông		Hộ kinh tế hỗn hợp		Hộ phi nông nghiệp		Tổng cộng	
	N	%	N	%	N	%	N	%
1- Giàu có	1	0,5	3	3,3	2	8,0	6	2,0
2- Khá giả	13	7,1	15	16,5	7	28,0	35	11,7
3- Đủ ăn	132	71,7	66	72,5	16	64,0	214	71,3
4- Thiếu ăn	34	18,5	7	7,7	0	0,0	41	13,7
5- Nghèo đói	4	2,2	0	0,0	0	0,0	4	1,3
Tổng cộng	184	61,3	91	30,3	25	8,3	300	100,0

So sánh các năm đổi mới ta cũng thấy tại xã Văn Môn phương án chuyển hẳn sang phi nông nghiệp có ưu thế hơn cả.

Bảng 10. Mức sống 1992 so với 1988, nhóm hộ phi nông nghiệp tăng tiến mạnh mẽ hơn cả.

Mức độ thay đổi mức sống	Hộ thuần nông		Hộ KT hỗn hợp		Hộ phi NN		Tổng cộng	
	N	%	N	%	N	%	N	%
1- Tăng mạnh	26	14,1	20	22,0	9	30,0	55	18,4
2- Tăng ít	76	41,3	29	31,9	13	52,0	118	39,5
3- Như cũ	57	31,0	32	35,2	2	8,0	91	30,4
4- Giảm ít	2	12,0	9	9,9	1	4,0	32	10,7
5- Giảm mạnh	3	1,6	0	0,0	0	0,0	3	1,0
Tổng cộng	184	61,5	90	30	25	8,4	299	100,0

Giảm mạnh tỷ trọng hộ thuần nông, thậm chí tới mức độ triệt để là không còn hộ thuần nông chưa thể là chỉ báo duy nhất quyết định năng lực làm giàu thực sự của cộng đồng làng

xã. Vấn đề còn phụ thuộc ở kiểu loại phi công nghiệp hóa; ở đây không có một tính quy luật phổ biến làm cơ sở cho mô hình chung. Ở Đông Dương, lợi thế thị trường thuộc nhóm hộ kinh tế hỗn hợp, ở Văn Môn, nhóm hộ phi nông nghiệp hoàn toàn có ưu thế vượt trội hơn cả. Số liệu điều tra thống kê ở tỉnh Hà Tây, năm 1993, cho thấy rõ thêm xu thế nói trên.

Bảng 11: So sánh thu nhập bình quân đầu người ở các xã có mức độ phi nông nghiệp hóa khác nhau.

Các chỉ báo	Xã Trường Yên (Chương Mỹ)	Xã Dương Liễu (Hoài Đức)	Xã Nghĩa Hương (Quốc Oai)
1- Tỷ trọng hộ thuần nông (%)	46,0	7,0	0,0
2- GDP (1000 đ)	18,780	28.654	8.099
- Trong đó do TTCN và dịch vụ đóng góp	12.092	24.110	4.186
3- Thu nhập (1000 đ)	9.050	12.506	4.399
- Trong đó do TTCN và Dịch vụ đóng góp	4.837	9.644	1.934
4- GDP bình quân cho 1 đầu người	2.193	1.747	1.503
- Trong đó do TTCN và dịch vụ đóng góp	1412	2.312	776
5- Thu nhập bình quân cho 1 đầu người	1057	1.199	816
- Trong đó do TTCN và dịch vụ đóng góp	365	925	359

Nhìn chung, sự tăng trưởng mức sống ở nông thôn mấy năm đổi mới vừa qua vẫn chưa đủ nhanh mạnh, chủ yếu vẫn là do sự thay đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp định hướng kinh tế thị trường vẫn chưa đủ căn bản. Dưới đây ta đưa ra thêm kết quả thống kê kinh tế xã hội tại xã Tân Xuân (Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh) để thấy rõ hơn điều đó.

Bảng 12: Tỷ trọng các hộ gia đình phi nông nghiệp tăng chậm chạp qua các năm đổi mới⁷

	1992		1993		1994	
	N	%	N	%	N	%
- Tổng số hộ	3560	100,0	3984	100,0	4894	100,0
- Hộ nông nghiệp	849	23,85	800	20,08	798	16,31
- Hộ TT.CN	736	20,67	785	19,7	900	18,39
- Hộ chuyên nghề XD	114	3,2	146	3,66	158	3,23
- Hộ buôn bán	152	4,27	176	4,42	192	3,92
- Hộ dịch vụ	118	3,31	142	3,56	180	3,68
- Hộ CB nhà nước	98	2,75	100	2,51	100	2,04
- Hộ khác	1493	41,94	1835	46,06	2566	52,43

7. Xem Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra tiềm năng phát triển kinh tế nông thôn Việt Nam của chương trình hợp tác Việt Nam - Cộng hòa Liên bang Đức do T.S Nguyễn Tiến Thoa chủ biên, 10-1994.

Có khả năng đột biến trong thay đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn nước ta hiện nay hay không? Khả năng thực tế chưa trông thấy; còn khả năng trừu tượng thì chờ thế hệ tiếp nối tức là con, cháu của các hộ gia đình nông thôn hiện nay.

Thử xem nguyện vọng của cha, mẹ đối với con cái trong định hướng nghề nghiệp ra sao? Tại xã: Đông Dương 1992 tỷ lệ các hộ gia đình nông nghiệp mong muốn con cái thoát ly nông thôn lớn hơn hẳn tỉ lệ các hộ gia đình nông nghiệp mong muốn con cái nối tiếp nghề làm nông nghiệp.

Bảng 13: Mong muốn của cha mẹ đối với định hướng nghề nghiệp của con cái

(% ý kiến trả lời)

Định hướng nghề nghiệp cho con cái	Hộ thuần nông	Hộ kinh tế hỗn hợp	Tổng cộng
- Làm nông nghiệp	7,6	2,6	5,0
- Ly nông bất ly hương	8,3	11,6	10,0
- Ly nông ly hương	9,0	12,9	11,0
- Tùy	31,7	43,2	37,7
- Không trả lời	43,4	29,7	36,3
Tổng cộng	48,3	51,7	100,0

Đáng lưu ý là cả con gái cũng được cha mẹ mong muốn cho thoát ly nông nghiệp hoặc thoát ly nông thôn. Tại xã Xuân Sơn, 1993, kết quả điều tra xã hội học cho thấy rõ xu thế này.

Bảng 14. Mong muốn của cha mẹ, mẹ đối với định hướng nghề nghiệp của con trai và con gái

(% ý kiến trả lời)

	Con trai	Con gái
- Làm nông nghiệp	6,4	10,8
- Làm lâm nghiệp	0,0	5,7
- Làm TTCN	11,5	3,8
- Buôn bán, dịch vụ	0,0	1,9
- Cán bộ nhà nước	16,6	15,3
- Đi lao động nước ngoài	2,5	0,0
- Tùy	63,1	62,4
- Tổng cộng	100,0	100,0

Song cả 2 bảng 13 và 14 đều cho thấy tỷ lệ ý kiến trả lời “tùy chúng nó” và “không trả lời” rất lớn. Lý do chính là hiện nay khả năng lựa chọn nghề nghiệp và việc làm ở nông thôn vẫn còn rất hạn chế, người dân nông thôn gặp quá nhiều khó khăn, trở ngại trong cơ động, nghề nghiệp, việc làm. Do đó thật khó tin khả năng tăng tốc trong thời gian trước mắt các quá trình đổi mới theo định hướng đa dạng hóa nghề nghiệp, phi nông nghiệp hóa và tư nhân hóa ở nông thôn nước ta ngày nay.